

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh
Trần Sỹ H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1985; căn cước công dân số 036185023478; nơi cư trú: Số nhà 120/109 đường Điện B, phường Cửa B, TPNĐ, tỉnh Nam Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Sỹ H, sinh năm 1977; căn cước công dân số 036077011226; nơi cư trú: Số nhà 120/109 đường Điện B, phường Cửa B, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Sỹ H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân phường Cửa B, TPNĐ vào ngày 03-9-2014. Sau khi kết hôn chị và anh Trần Sỹ H sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Trần Sỹ H chơi bời, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng đã cũng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu

thuần nhưng không có kết quả. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Trần Sỹ H có 01 con chung là Trần Lê Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 01-11-2014. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Trần Sỹ H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 17-6-2022, và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Trần Sỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Lê Thị L trình bày. Nay chị Lê Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Anh nhất trí với phần trình bày của chị Lê Thị L về phần con chung. Nếu ly hôn, anh đồng ý để con là Trần Lê Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 01-11-2014 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị Lê Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 01, phường Cửa B, TPND nơi anh Trần Sỹ H cư trú cung cấp:

Vợ chồng chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Cửa B, TPND vào ngày 22-11-2018. Chị L và anh H có đăng ký thường trú và cư trú tại: 120/109 đường Điện B, phường Cửa B, TPND, tỉnh Nam Định. Chị L và anh H có 01 con chung là Trần Lê Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 01-11-2014. Trong quá trình vợ chồng sinh sống tại địa phương: đại diện tổ dân phố không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPND tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Lê Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 01-11-2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H tự thỏa thuận. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Sỹ H, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Sỹ H không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn là anh Trần Sỹ H đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng; nguyên đơn là chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Cửa Bắc, TPND vào ngày 03-9-2014. Như vậy hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H đều khai do anh Trần Sỹ H chơi bời, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L, xử lý hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con: Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H có 01 con chung là cháu Trần Lê Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 01-11-2014. Chị L và anh H thống nhất: Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị L sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét chị L có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Lê Bảo N cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với qui định Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị L đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Lê Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 01-11-2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005327 ngày 08-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TPND.

5. Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Lê Thị L và anh Trần Sỹ H có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án. Anh Trần Sỹ H có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. ND;
- UBND phường Cửa B, TP. ND (Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 03-9-2014)
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh